



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 – 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	7 – 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/08/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/09/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 23 ngày 08/09/2025 được cấp bởi Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 128.070.000.000 đồng.

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2026: 128.070.000.000 đồng.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Người đại diện theo pháp luật
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên
Ông Đặng Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Khoa Đình Hoàng	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG KỲ

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 30/06/2026.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 lỗ: (4.096.374.805) đồng.

Lỗ lũy kế đến ngày 30/06/2026 là: (94.759.308.178) đồng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 6 tháng đầu năm 2026. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026.

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Thay mặt và đại diện HĐQT



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
Chủ tịch HĐQT

Số: 658/BCSX/TC/2026/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2026, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2026

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**



NGUYỄN-THỊ MỸ NGỌC

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHNKT: 1091-2023-142-1

50117
CÔNG
TNHH
VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM T
PHÍA NAM
T.P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.791.647.355	151.641.950.595
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	133.067.089	901.465.487
1 . Tiền	111		133.067.089	901.465.487
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2.1	373.132.800	322.509.600
1 . Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2 . Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(157.867.200)	(208.490.400)
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		6.312.208.818	7.527.048.498
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.194.143.656	6.488.966.662
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	161.775.500	114.831.500
3 . Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	956.289.662	923.250.336
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	V.6	140.298.630.506	133.395.284.308
1 . Hàng tồn kho	141		154.715.037.053	147.811.690.855
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(14.416.406.547)	(14.416.406.547)
<i>V . Tài sản sinh học ngắn hạn</i>	150		-	-
<i>VI . Tài sản ngắn hạn khác</i>	160		9.674.608.142	9.495.642.702
1 . Thuế GTGT được khấu trừ	162	V.12a	9.641.385.868	9.495.642.702
2 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.12b	33.222.274	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.816.146.084	28.459.858.062
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		14.081.947.581	14.967.058.062
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.436.189.048	8.178.088.151
- Nguyên giá	222		119.875.126.857	119.844.126.857
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(112.438.937.809)	(111.666.038.706)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.8	6.645.758.533	6.788.969.911
- Nguyên giá	228		15.210.878.493	15.210.878.493
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(8.565.119.960)	(8.421.908.582)
<i>III . Tài sản sinh học dài hạn</i>	230		-	-
<i>IV . Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>V . Tài sản dở dang dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	260	V.2.2	13.492.800.000	13.492.800.000
1 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		14.992.000.000	14.992.000.000
2 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		14.887.015.186	14.887.015.186
3 . Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(16.386.215.186)	(16.386.215.186)
<i>VII . Tài sản dài hạn khác</i>	270		241.398.503	-
1 . Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.9	241.398.503	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		184.607.793.439	180.101.808.657



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		105.919.826.149	97.317.466.562
I - Nợ ngắn hạn	310		54.786.063.099	46.036.205.512
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	18.457.084.391	9.513.379.385
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	4.598.405.059	1.948.022.336
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.12c	214.106.007	274.098.541
4. Phải trả người lao động	315	V.13	2.945.239.595	3.192.550.514
5. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.14a	3.739.359.927	4.845.759.245
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15a	20.144.648.569	21.472.087.236
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	4.687.219.551	4.790.308.255
II - Nợ dài hạn	330		51.133.763.050	51.281.261.050
1. Phải trả dài hạn khác	338	V.14b	39.480.591.050	39.480.591.050
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.15b	11.653.172.000	11.800.670.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	78.687.967.290	82.784.342.095
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	128.070.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(94.759.308.178)	(90.662.933.373)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(90.662.933.373)	(88.161.621.593)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		(4.096.374.805)	(2.501.311.780)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		184.607.793.439	180.101.808.657

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật





PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG

PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		18.723.801.293	21.878.466.204
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	18.723.801.293	21.878.466.204
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	16.304.247.885	15.941.562.652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.419.553.408	5.936.903.552
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	73.988.499	151.710.649
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	743.366.176	892.839.988
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		762.561.219	838.668.602
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.537.619.417	1.527.354.173
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.274.585.205	5.093.075.818
11. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.062.028.891)	(1.424.655.778)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	865.310	4.330.700
13. Chi phí khác	32	VI.8	35.211.224	179.920.231
14. (Lỗ) khác	40		(34.345.914)	(175.589.531)
15. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(4.096.374.805)	(1.600.245.309)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.096.374.805)	(1.600.245.309)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(320)	(125)

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật





PHẠM THỊ BÍCH PHUƠNG

PHẠM THỊ BÍCH PHUƠNG

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(4.096.374.805)	(1.600.245.309)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	916.110.481	984.338.617
- Các khoản dự phòng	03	(50.623.200)	38.109.600
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.711.587	(251.472.817)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(120.766)	(171.854)
- Chi phí đi vay	06	762.561.219	838.668.602
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.462.735.484)	9.226.839
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.069.627.439	(932.158.678)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(6.903.346.198)	(3.028.817.259)
- Tăng các khoản phải trả	11	10.204.779.907	319.021.693
- (Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12	(241.398.503)	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	(762.561.219)	(838.668.602)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	120.766	171.854
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(103.088.704)	(60.523.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	801.398.004	(4.531.748.105)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(31.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.000.000)	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	21.250.393.842	21.342.185.989
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.750.023.239)	(17.284.523.246)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.499.629.397)	4.057.662.743
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(729.231.393)	(474.085.362)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	901.465.487	670.863.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(39.167.005)	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	133.067.089	196.777.776

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật





PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG

PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/08/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/09/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 23 ngày 08/09/2025 được cấp bởi Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 128.070.000.000 đồng.

Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2026: 128.070.000.000 đồng.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến BCTC

Không có đặc điểm nào thay đổi có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong kỳ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

7. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2026: 87 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 95 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán của Công ty: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Báo cáo tình hình tài chính mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá 1 chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
Phương tiện vận tải	02 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian phù hợp với thời gian tạo ra lợi ích kinh tế tương ứng. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chi phí chờ phân bổ được theo dõi theo từng kỳ hạn đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí chờ phân bổ khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Chi phí chờ phân bổ để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

8. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong năm theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

01172
ÔNG T
TNHH
VỤ T
LÍNH K
KIỂM T
PHIA H
T.P H

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty; nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quá biểu, tặng bằng tiền, hiện vật ...



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/1, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Tiền mặt	47.242.143	69.530.875
- Tiền gửi ngân hàng	85.824.946	831.934.612
+ VND	59.919.790	341.819.618
+ USD	16.030.517	480.177.445
+ EUR	9.874.639	9.937.549
Cộng	133.067.089	901.465.487

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	531.000.000	373.132.800	157.867.200	531.000.000	322.509.600	208.490.400
Cộng	531.000.000	373.132.800	157.867.200	531.000.000	322.509.600	208.490.400

Khoản đầu tư mua 11.376 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2026, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND	ngàn VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	14.992.000	13.492.800	1.499.200	14.992.000	13.492.800	1.499.200
- Đầu tư vào đơn vị khác	14.887.015	-	14.887.015	14.887.015	-	14.887.015
Cộng	29.879.015	13.492.800	16.386.215	29.879.015	13.492.800	16.386.215

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày kết thúc giữa niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026**2.2.1. Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ	14.992.000.000	14.992.000.000
Cộng	14.992.000.000	14.992.000.000

Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000,00 USD, số vốn thực góp đến ngày 30/06/2026 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng. Incomfish US hiện tại chủ yếu làm đại diện quảng bá thương hiệu tại thị trường Hoa Kỳ cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Thủy sản nên tình hình tài chính của Incomfish US không có nhiều biến động trong các năm gần đây. Do vậy, Công ty không xem xét việc trích lập (hoàn nhập) thêm dự phòng cho khoản đầu tư này.

2.2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	Giá trị đầu tư	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga	14.887.015.186	14.887.015.186
Cộng	14.887.015.186	14.887.015.186

Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích đầu tư nhằm xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh ("Dự án") với số vốn góp tại ngày 30/06/2026 là 14.887.015.186 đồng (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304133361 ngày 05/07/2012).

Hiện Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga đã tạm dừng hoạt động do Dự án không được triển khai, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 100% cho khoản đầu tư này.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Kim Distri	289.146.000	-	1.986.454.591	-
- IFC Seafood Inc	-	-	1.399.474.359	-
- Ze Hui Co., Ltd	1.802.506.724	-	2.443.408.934	-
- Paris Store S.A	1.620.847.332	-	-	-
- Công ty TNHH An Châu	676.774.488	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	804.869.112	-	659.628.778	-
Cộng	5.194.143.656	-	6.488.966.662	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VNĐ	VNĐ
Các khoản trả trước cho người bán khác	161.775.500	114.831.500
Cộng	161.775.500	114.831.500

5. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Tạm ứng	749.510.280	-	716.470.954	-
- Phải thu ngắn hạn khác	206.779.382	-	206.779.382	-
Cộng	956.289.662	-	923.250.336	-

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
- Nguyên liệu, vật liệu	140.307.658.841	(8.181.244.822)	135.682.016.604	(8.181.244.822)
+ NVL nhập khẩu	9.360.496.805	-	39.093.678	-
+ NVL trong nước	1.184.948.699	-	1.702.004.500	-
+ Bán thành phẩm	124.553.790.582	(8.181.244.822)	128.847.713.819	(8.181.244.822)
+ Vật liệu phụ, bao bì	5.208.422.755	-	5.093.204.607	-
- Công cụ, dụng cụ	3.051.890.387	-	3.050.154.403	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	76.207.924	-	79.926.817	-
- Thành phẩm	11.279.279.901	(6.235.161.725)	8.999.593.031	(6.235.161.725)
Cộng	154.715.037.053	(14.416.406.547)	147.811.690.855	(14.416.406.547)

Giá trị Hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: Không có
Hàng tồn kho kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ: Không có
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích bổ sung đối với một số hàng hóa chậm luân chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	43.718.683.540	68.402.792.556	5.828.872.674	1.893.778.087	119.844.126.857
- Tăng trong kỳ	-	-	31.000.000	-	31.000.000
+ Mua trong kỳ	-	-	31.000.000	-	31.000.000
Số dư cuối kỳ	43.718.683.540	68.402.792.556	5.859.872.674	1.893.778.087	119.875.126.857
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	38.286.624.212	65.692.972.067	5.828.872.674	1.857.569.753	111.666.038.706
- Tăng trong kỳ	396.379.392	359.561.340	7.083.373	9.874.998	772.899.103
+ Khấu hao trong kỳ	396.379.392	359.561.340	7.083.373	9.874.998	772.899.103
Số dư cuối kỳ	38.683.003.604	66.052.533.407	5.835.956.047	1.867.444.751	112.438.937.809
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	5.432.059.328	2.709.820.489	-	36.208.334	8.178.088.151
Tại ngày cuối kỳ	5.035.679.936	2.350.259.149	23.916.627	26.333.336	7.436.189.048

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 4.628.423.153 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 62.506.168.298 đồng.

Nhà cửa, vật kiến trúc của Công ty phần lớn giá trị là Nhà xưởng, nhà điều hành và các công trình phụ trợ ngoài phạm vi công trình chính tại Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh với tổng giá trị là 40.671.534.752 đồng và đang được làm tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 14 trang 24 - 25 đã được mua bảo hiểm mọi rủi ro về tài sản theo hợp đồng số: P-26/DSG/P39/3111/000002 ngày 08/01/2026 với Công ty Bảo hiểm Pjico Đông Sài Gòn. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 09/01/2026 đến ngày 09/01/2027.

Máy móc, thiết bị của Công ty phần lớn giá trị là Dây chuyền tằm bột, chiên tự động (CFS) được lắp đặt vào năm 2009 với giá trị là 15.641.989.407 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
Số dư cuối kỳ	5.712.920.000	9.284.870.893	213.087.600	15.210.878.493
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	5.712.920.000	2.495.900.982	213.087.600	8.421.908.582
- Tăng trong kỳ	-	143.211.378	-	143.211.378
+ Khấu hao trong kỳ	-	143.211.378	-	143.211.378
Số dư cuối kỳ	5.712.920.000	2.639.112.360	213.087.600	8.565.119.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	6.788.969.911	-	6.788.969.911
Tại ngày cuối kỳ	-	6.645.758.533	-	6.645.758.533

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.926.007.600 đồng.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn theo giấy chứng nhận số CI 545614 cấp ngày 21/06/2017 tại địa chỉ lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Phường Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích: 20.802 m². Thời hạn thuê đất đến tháng 9/2049.

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng	241.398.503	-
Cộng	241.398.503	-

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VNĐ	VNĐ
- Miso Fresh Co., Ltd	1.003.263.019	-
- Ze Huí Co., Ltd	11.895.034.299	4.472.509.178
- Công ty TNHH MTV TM -DV Thực phẩm tươi sống Ba Trâm	1.244.000.450	1.199.338.520
- Nichimo International Inc	535.022.878	-
- Các khoản phải trả người bán khác	3.779.763.745	3.841.531.687
Cộng	18.457.084.391	9.513.379.385

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Ze Hui Co., Ltd	2.701.958.857	1.609.753.394
- IFC Seafood Inc	1.247.445.360	-
- UTIC Co., Ltd	70.544.786	307.381.942
- Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	578.456.056	30.887.000
Cộng	4.598.405.059	1.948.022.336

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu	Số đã thu/ khấu trừ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế GTGT được khấu trừ				
- Thuế GTGT được khấu trừ	9.495.642.702	371.420.718	225.677.552	9.641.385.868
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	33.222.274	-	33.222.274
- Thuế thu nhập cá nhân	-	33.222.274	-	33.222.274
Cộng	9.495.642.702	404.642.992	225.677.552	9.674.608.142

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
c. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế thu nhập cá nhân	62.995.775	44.231.943	104.224.477	3.003.241
- Các loại thuế khác	211.102.766	127.308.240	127.308.240	211.102.766
Cộng	274.098.541	171.540.183	231.532.717	214.106.007

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Phải trả lương người lao động	2.945.239.595	3.192.550.514
Cộng	2.945.239.595	3.192.550.514

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VNĐ	VNĐ
a. Ngắn hạn	3.739.359.927	4.845.759.245
- Kinh phí công đoàn	179.352.580	119.322.460
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	289.152.599	133.545.000
- Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000	50.000.000
- Phải trả khác	3.220.854.748	4.542.891.785
b. Dài hạn (*)	39.480.591.050	39.480.591.050
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	24.644.757.675	24.644.757.675
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thùy	11.755.833.375	11.755.833.375
- Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu	3.080.000.000	3.080.000.000
Cộng	43.219.950.977	44.326.350.295

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là các khoản mượn tiền, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

			Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ
			Giá trị/Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
			VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Vay ngắn hạn			21.472.087.236	21.275.086.572	22.602.525.239		20.144.648.569
- NH Vietcombank	15.1		9.307.087.236	17.845.086.572	19.172.525.239		7.979.648.569
+ Vay VNĐ			6.636.921.106	6.417.510.567	9.110.432.204		3.943.999.469
+ Vay USD			2.670.166.130	11.427.576.005	10.062.093.035		4.035.649.100
- Các khoản vay cá nhân	15.2		12.165.000.000	3.430.000.000	3.430.000.000		12.165.000.000
+ Nguyễn Thị Kim Thu			2.000.000.000	-	-		2.000.000.000
+ Nguyễn Thị Kim Thùy			1.120.000.000	-	-		1.120.000.000
+ Nguyễn Thị Kim Xuân			500.000.000	-	-		500.000.000
+ Nguyễn Hoàng Ngọc Trang			1.900.000.000	-	-		1.900.000.000
+ Nguyễn Hoàng Minh			-	3.430.000.000	-		3.430.000.000
+ Võ Thị Tố Tâm			1.200.000.000	-	-		1.200.000.000
+ Nguyễn Hoàng Thông			5.445.000.000	-	3.430.000.000		2.015.000.000
b. Vay dài hạn	15.3		11.800.670.000	-	147.498.000		11.653.172.000
- Nguyễn Thị Kim Xuân			4.000.000.000	-	-		4.000.000.000
- Nguyễn Thị Kim Thu			2.220.000.000	-	-		2.220.000.000
- Nguyễn Hoàng Ngọc Trang			5.580.670.000	-	147.498.000		5.433.172.000
Cộng			33.272.757.236	21.275.086.572	22.750.023.239		31.797.820.569

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(15.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 53/521051/26-DN2/N-CTD ngày 06/07/2026. Hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 đồng; thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Số dư nợ vay đến ngày 30/06/2026 bao gồm 3.943.999.469 đồng và 153.528,46 USD. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

- Thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và công trình nhà máy chế biến thủy sản tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu năm 2005), địa chỉ: Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Tp.HCM theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0789/NHNT ký ngày 16/08/2017 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).
- Thế chấp tài sản là các công trình phụ trợ ngoài phạm vi công trình chính tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 01 (theo tài liệu năm 2005), địa chỉ: Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Tp.HCM theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0169/1938/TCDN2 ký ngày 05/09/2019 giữa Ngân hàng và khách hàng cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung, các văn bản, phụ lục đính kèm (nếu có).

(15.2) Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 3 đến 12 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất 150% * lãi suất cơ bản của ngân hàng Việt Nam theo từng thời điểm vay.

(15.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất vay thỏa thuận theo từng thời điểm cụ thể.

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
- Quỹ khen thưởng	3.974.033.418	-	-	3.974.033.418
- Quỹ phúc lợi	816.274.837	-	103.088.704	713.186.133
Cộng	4.790.308.255	-	103.088.704	4.687.219.551

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 01/01/2025	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(88.161.621.593)	85.285.653.875
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(1.600.245.309)	(1.600.245.309)
Tại ngày 30/06/2025	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(89.761.866.902)	83.685.408.566
Tại ngày 01/01/2026	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(90.662.933.373)	82.784.342.095
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(4.096.374.805)	(4.096.374.805)
Tại ngày 30/06/2026	128.070.000.000	24.156.097.000	21.221.178.468	(94.759.308.178)	78.687.967.290

17.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Vốn góp chủ sở hữu	128.070.000.000	128.070.000.000
Vốn góp đầu năm	128.070.000.000	128.070.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	128.070.000.000	128.070.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.3. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.807.000	12.807.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.807.000	12.807.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.807.000	12.807.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**18.1. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	609.85	18.431.44
Euro Mỹ (EUR)	327,65	327,18

18.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Hyl International	1.055.093.543	1.055.093.543
- Golden Harvest Seafood Corporation	985.076.659	985.076.659
- Dragon Sourcing	9.087.663.520	9.087.663.520
- Các khách hàng khác	1.503.011.935	1.503.011.935
Cộng	12.630.845.657	12.630.845.657

Nguyên nhân xóa sổ nợ khó đòi: Khách hàng đã thay đổi địa điểm trụ sở và không có khả năng thanh toán nợ.**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu xuất khẩu	15.082.086.362	18.985.315.209
- Doanh thu bán hàng nội địa	378.592.200	587.620.800
- Doanh thu khác	3.263.122.731	2.305.530.195
Cộng	18.723.801.293	21.878.466.204
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.723.801.293	21.878.466.204

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	16.304.247.885	15.941.562.652
Cộng	16.304.247.885	15.941.562.652

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	120.766	171.854
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	73.867.733	151.538.795
Cộng	73.988.499	151.710.649

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	762.561.219	838.668.602
- Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(50.623.200)	38.109.600
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.716.570	1.991.756
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.711.587	14.070.030
Cộng	743.366.176	892.839.988

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nhân viên	315.946.283	370.285.119
- Chi phí xuất hàng, vận chuyển	458.519.003	1.063.671.466
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	565.325.386	67.440.625
- Chi phí bằng tiền khác	197.828.745	25.956.963
Cộng	1.537.619.417	1.527.354.173

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	2.811.923.626	3.982.986.812
- Chi phí đồ dùng văn phòng	30.931.180	62.998.211
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	70.519.345
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.178.353.845	787.777.011
- Chi phí bằng tiền khác	253.376.554	188.794.439
Cộng	4.274.585.205	5.093.075.818

7. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Thu nhập khác	865.310	4.330.700
Cộng	865.310	4.330.700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026**8. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
- Các khoản nộp chậm, nộp phạt vi phạm hành chính	-	20.000.000
- Chi phí khác	35.211.224	159.920.231
Cộng	35.211.224	179.920.231

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
(Lỗ) trước thuế	(4.096.374.805)	(1.600.245.309)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	797.033.949	361.836.396
- Chi phí lãi vay không được trừ	762.440.453	-
- Các khoản chi phí khác không được trừ	35.211.224	179.920.231
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	5.413.806	181.916.165
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	(6.031.534)	-
Thu nhập chịu thuế	(3.299.340.856)	(1.238.408.913)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.096.374.805)	(1.600.245.309)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm)	-	-
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.096.374.805)	(1.600.245.309)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.807.000	12.807.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(320)	(125)

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.449.066.255	27.382.983.378
- Chi phí nhân công	6.218.236.533	7.566.670.769
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	916.110.481	984.338.617
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.109.392.935	2.681.680.896
- Chi phí bằng tiền khác	451.263.299	356.540.324
Cộng	35.144.069.503	38.972.213.984

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****1.1 Đối tượng liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	- Phó Tổng Giám đốc - Thành viên Hội đồng Quản trị - Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	- Cổ đông lớn
Ông Đặng Việt Hùng	- Tổng Giám đốc - Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ	- Công ty liên kết

1.2 Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc		
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu	186.056.957	185.605.726
- Ông Đặng Việt Hùng	199.630.044	179.528.107
Cộng	385.687.001	365.133.833

Số dư các khoản phải thu/ phải trả đối với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Nợ phải trả		
- Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	12.875.833.375	12.875.833.375
- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	29.144.757.675	29.144.757.675
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu	7.300.000.000	7.300.000.000

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN

Lô số A77/1, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

3. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không có bất kỳ các Quyết định của các Cơ quan quản lý nào buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập theo thông tư số 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính và các văn bản pháp luật hướng dẫn liên quan. Không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước theo phạm vi điều chỉnh tại điều 1 của thông tư 99/2025/TT/BTC ngày 27/10/2025. Các số liệu về thuế phải nộp Nhà nước có thể được đánh giá, hiểu theo nhiều cách khác nhau, các số liệu có thể thay đổi tùy thuộc vào đánh giá cũng như Quyết định của cơ quan kiểm tra thuế sau niên độ lập báo cáo tài chính này.

5. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập

PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ BÍCH PHƯỢNG

Phê duyệt, ngày 12 tháng 08 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

**CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ
THƯƠNG MẠI
THỦY SẢN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301805696,
E=PHAMKHANHHOA.IME@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.20 16:27:50+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0